

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Số, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025			Sở Xây dựng	
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt	Không quy định			
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đảm bảo theo yêu cầu của Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019	Không quy định			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
2	Hạ tầng kinh tế xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	- Đường xã đạt tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với tốc độ đô thị hoá - Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%, trong đó có $\geq 90\%$ được nhựa hóa hoặc bê tông hoá	- Đường xã 100% được nhựa hóa và bê tông hóa, trong đó có 50% tuyến đường xã có bề rộng nền đường $\geq 6m$; chiều rộng mặt đường $\geq 3,5m$ - Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ $\geq 90\%$, trong đó có $\geq 80\%$ được nhựa hóa hoặc bê tông hoá	- Đường xã 100% được nhựa hóa và bê tông hóa - Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ $\geq 80\%$, trong đó có $\geq 70\%$ được nhựa hóa hoặc bê tông hoá	Sở Xây dựng	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$, có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$, có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
2	Hạ tầng kinh tế xã hội	2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥ 98%	≥ 99%			≥ 98%	Sở Công Thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	Sở Công Thương	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ	
		3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	≥ 12%	≥ 10,5%	≥ 9,5%	Thống kê tỉnh	
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	Có ≥ 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥ 02 mô hình kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ≥ 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ≥ 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030; - Có ≥ 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn hoặc có ≥ 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ≥ 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030 - Có sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao trở lên còn thời hạn	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận sản phẩm OCOP	100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Môi trường		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính	
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01 tổ	Không quy định	Có ≥ 01 tổ		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Hội nông dân tỉnh	
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01	≥ 01	≥ 01	- Sở Công Thương phụ trách khu công nghiệp, cụm công nghiệp. - Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách nội dung làng nghề được công nhận và khu vực sản xuất dịch vụ	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥ 27%	≥ 40%	≥ 35%	≥ 27%	Sở Nội vụ	
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	≥ 60%	≥ 50%	≥ 40%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế	
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế	
		6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤ 2%	≤ 2%	≤ 5%	≤ 13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥ 75%	≥ 95%	≥ 85%	≥ 75%	Sở Xây dựng	
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt ≥ 80%, trong đó phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt ≥ 70%, trong đó phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt ≥ 40%, bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt	≥ 60%	≥ 55%	≥ 50%	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ	
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế	
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ	
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công Thương	
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥ 01 mô hình	Có ≥ 01 mô hình thôn thông minh		Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	
		8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥84%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤40% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥82%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤45% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥ 90%	≥ 95%	≥ 92%	≥ 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng	
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp	
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh	
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	BCH Quân sự tỉnh	